TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NP** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2024
"V/v xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dua.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chảo Phù Hiển và bà Lầu Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công H vụ án thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024; Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Sùng Thị K; Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Bản HS, xã NH, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Giàng A H; Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Bản HS, xã NH, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam NT, xã NT, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Sùng Thị K, có đơn xin vắng mặt và vắng mặt anh Giàng A H (đang chấp hành án tại trại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2024 và lời H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sùng Thị K H như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Sùng Thị K và Giàng A H về chung sống với nhau năm 2006 do tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau đến ngày 08/3/2016 hai anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung giữa chị K và anh H không có hạnh phúc, do anh H không biết thương vợ con, không giúp chị làm nương, chê bai chị già, anh

H muốn lấy người khác. Anh H thường chửi mắng chị và đã đánh đập chị K nhiều lần. Chị K đã dẫn theo 02 đứa con đi về nhà bố mẹ đẻ một thời gian, nhưng anh H không hề quan tâm hỏi han gì 03 mẹ con chị K. Chị vì thương con nên đã dẫn theo con quay về chung sống với anh H. Năm 2019 cũng vì chồng nghiện ma túy nên chị cầm ma túy hộ nên chị K đã bị Tòa án xử 12 tháng tù. Trong thời gian chị K không có nhà anh H đã đưa người phụ nữ khác về sống cùng, anh H không quan tâm chăm sóc 02 con nhỏ để ăn uống không ra gì nên đứa thứ hai bị bệnh thường xuyên ốm yếu. Đến tháng 7/2021 anh Giàng A H đã vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện NP tỉnh Điện Biên xét xử 06 năm tù về tội ma túy. Trong thời gian anh H đi tù tại trại giam NT chị có đi thăm và đã nói chuyện sẽ ly hôn, nhưng anh H không đồng ý. Nay chị K thấy cuộc sống với anh H không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị K và 02 con đã tự làm nhà tạm khác để ở riêng. Về tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện NP xem xét giải quyết được ly hôn chồng là Giàng A H theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Có 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị Pài, sinh ngày 29/9/2013 và Giàng Thị Ngọc Minh sinh ngày 21/12/2015.

Khi ly hôn chị K xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến trưởng thành và có khả năng lao động, chị không yêu cầu gì đối với anh Giàng A H.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời H ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân NP, tỉnh Điện Biên tại Trại giam NT, xã NT, Thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, bị đơn Giàng A H đã H:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị K về chung sống với nhau năm 2006 do tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau đến ngày 08/3/2016 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không có mâu thuân gì lớn. Năm 2019 chị K đi cầm ma túy hộ người khác nên đã bị Tòa án huyện NP xử 12 tháng tù. Sau khi chị K ra trại về nhà giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do cuộc sống quá khó khăn, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn như trước nữa. Chị K đã tự ý đưa con nhỏ đi về nhà bố mẹ đẻ sống một thời gian. Sau khi được anh H và gia đình khuyên bảo thì chị K đã đưa 02 con về chung sống với anh H. Đến tháng 7/2021 anh Giàng A H đã vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện NP tỉnh Điện Biên xét xử 06 năm tù về tội ma túy. Nay chị K xin ly hôn với anh Giàng A H do tình cảm vợ chông không còn gì nên anh H đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Giàng A H công nhận có 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị Pài, sinh ngày 29/9/2013 và Giàng Thị Ngọc Minh sinh ngày 21/12/2015 như lời H của chị K. Hiện tại do anh H đang chấp hành án nên nhất trí để hai con chung tạm thời ở với chị K và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51,53, 56, 58, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Sùng Thị K được ly hôn với anh Giàng A H.

- Giao con chung, cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cũng như ý kiến của 02 cháu Giàng Thị Pài và Giàng Thị Minh Ngọc là muốn được ở với mẹ và yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn giao cả 02 con chung là Giàng Thị Pài, sinh ngày 29/9/2013 và Giàng Thị Ngọc Minh sinh ngày 21/12/2015 cho nguyên đơn chị Sùng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động, vì hiện nay anh Giàng A H đang chấp hành án tại Trại giam NT, xã NT, Thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Sùng Thị K do là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Sùng Thị K, Tòa án xác định đây là vụ án: Xin ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NP theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Giàng A H đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam NT, xã NT, Thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên, không có điều kiện tham gia phiên tòa và không có đơn xin vắng mặt nên HĐXX tiến hành hoãn phiên tòa lần thứ nhất, do vắng mặt bị đơn tại phiên tòa. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời H của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2006, chị và anh Giàng A H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2016. Hai anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 02 con chung với nhau. Đến tháng 7/2021 anh Giàng A H đã vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện NP tỉnh Điện Biên xét xử 06 năm tù về tội ma túy. Chị K có đơn xin ly hôn với anh H là do trước khi đi trại anh H đã nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi vã và có mâu thuẫn, không hiểu và thông cảm cho nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn như trước nữa. Trong thời gian anh H đi chấp hành án chị K một mình phải nuôi dạy các con, chị K hiện không còn tình cảm với anh H và cũng không thể tiếp tục chờ đợi anh H được nữa. Vì vậy chị K xin ly hôn, được anh H đồng ý ly hôn. Do anh H đang chấp hành án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207/BLTTDS năm 2015. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tin tưởng, thương yêu nhau, nhưng đến nay, hôn nhân giữa chị K và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy việc chị K xin ly hôn với anh H là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị K căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Sùng Thị K được ly hôn với anh Giàng A H.

[4] Về con chung: Chị K và anh H đều công nhận vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị Pài, sinh ngày 29/9//2013 và Giàng Thị Ngọc Minh sinh ngày 21/12/2015, chị K xin được nuôi con cho đến khi cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng 02 con chung của chị K thấy: Hiện bị đơn anh Giàng A H đang trong thời gian chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện NP, chính quyền xã NH, huyện NP cho biết chị Sùng Thị K có nghề nghiệp chính làm ruộng nương có đủ điều kiện để nuôi con chung chưa thành niên. Hơn nữa các cháu Giàng Thị Pài và Giàng Thị Ngọc Minh đều có đơn đề nghị Tòa án xem xét cho các cháu được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chưa thành niên, căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Sùng Thị K, tuyên giao cả 02 con chung là Giàng Thị Pài và Giàng Thị Ngọc Minh cho chị Sùng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành và có khả năng lao động. HĐXX chấp nhận việc chị K tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tuyên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Chị K và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì chị K và anh H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị K là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDSl Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Sùng Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên xử chị Sùng Thị K được ly hôn với anh Giàng A H.

[2] Về con chung:

Tuyên giao cả 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị Pài, sinh ngày 29/9/2013 và Giàng Thị Ngọc Minh sinh ngày 21/12/2015 cho nguyên đơn là chị Sùng Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Do bị đơn đang chấp hành án trong trại nên không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sùng Thị K và anh Giàng A H không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn chị Sùng Thị K được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Án xử công H sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao,

nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện NP;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện NP;
- UBND xã NH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vàng Thị Dua